TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày: 15-01-2025
V/v tranh chấp: *"Hợp đồng vay"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Bảo Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Đức Huy.

2. Ông Trần Văn Nhị.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thanh Hằng – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Tong các ngày 08 và 15 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 226/2024/TLST – DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng vay"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181A/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1996. Có mặt

Địa chỉ: 1 L, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

2.Bị đơn: Ông Bùi Văn Bảo Q, sinh năm 1992. Có mặt

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, Nguyên đơn ông Nguyễn Đức H ***trình bày:*** Ngày 06/5/2023 ông có cho ông Q vay số tiền 84.000.000 đồng để mua vật tư sửa chữa nhà, thoả thuận là 01 năm trả, lãi suất thoả thuận miệng là 2% tháng. Đến nay chưa thanh toán gốc và lãi. Ông khởi kiện yêu cầu ông Q trả số tiền vay gốc 84.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 06/5/2023 đến ngày nộp đơn khởi kiện 06/7/2024 là 14 tháng x 20%/năm là 19.600.000 đồng, tổng cộng là 103.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi từ ngày 06/7/2024 đến khi xét xử sơ thẩm.

Về việc ông Q trình bày thì ông Q có chuyển khoản cho ông mấy lần theo như ông Q trình bày, nhưng đó là ông Q cần tiền mặt nên ông đưa tiền mặt cho ông Q và ông Q chuyển khoản lại cho ông, chứ không phải là trả góp số tiền vay như

ông Q trình bày vì thời hạn vay chưa đến nên ông không có yêu cầu trả, hai bên cũng không có thoả thuận trả góp tiền vay.

Bị đơn ông Bùi Văn Bảo Q ***trình bày:*** ông có vay số tiền 84.000.000 đồng của ông H theo như ông H trình bày, có ký giấy nhận nợ ngày 06/5/2023, hẹn 01 năm trả, thoả thuận miệng lãi suất 2%/tháng. Nhưng mà ông có trả tiền gốc, trả góp mấy lần tiền vay gốc cho ông H, trả bằng app chuyển khoản ngân hàng. Trong quá trình hoà giải ông trình bày là không nhớ đã trả cho H bao nhiêu lần và bao nhiêu tiền nhưng ông chỉ đồng ý trả cho H số tiền khoảng 20.000.000 đồng, ông không đồng ý trả tiền lãi. Tại phiên toà, ông Q cung cấp và trình bày bảng sao kê Ngân hàng thể hiện các lần chuyển khoản cho H bao gồm; ngày 11/6/2023 chuyển khoản 4.200.000 đồng; ngày 22/8/2023 chuyển khoản 7.000.000 đồng; ngày 01/11/2023 chuyển khoản 3.000.000 đồng; ngày 03/12/2023 chuyển khoản 3.000.000 đồng, tất cả các lần chuyển khoản đều không ghi nội dung chuyển khoản, trong mỗi lần chuyển khoản tiền ông xác định là có 500.000 đồng tiền lãi, trả bớt lãi từ từ tính sau. Tại phiên toà, ông Q đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 69.000.000 đồng và 9.500.000 đồng tiền lãi một nửa số tiền lãi ông H yêu cầu, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: trong quá trình hoà giải và tại phiên toà ông Q thừa nhận có vay của ông H số tiền 84.000.000 đồng. Ông Q cho rằng đã trả 15.000.000 đồng tiền gốc và 2.200.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, việc chuyển khoản không có ghi nội dung chuyển khoản, ông H cũng không thừa nhận, ông cho rằng chuyển khoản để lấy tiền mặt, hai bên đã thoả thuận thời hạn vay 1 năm nên không có việc trả góp tiền gốc, và trình bày về số tiền lãi mỗi lần chuyển khoảng trả 500.000 đồng của ông Q cũng không phù hợp với lãi suất 2% tháng mà các bên thoả thuận. Ông Q không có chứng cứ tài liệu và người làm chứng nào khác về việc có trả bớt tiền gốc cho ông H nên không có cơ sở xem xét. Ông H khởi kiện yêu cầu ông Q trả số tiền gốc 84.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, tiền lãi được tính theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Nguyễn Đức H và ông Bùi Văn Bảo Q có ký với nhau giấy mượn tiền. Nay ông H khởi kiện làm phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng vay thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Do ông Bùi Văn Bảo Q hiện cư ngụ tại huyện T, tỉnh Long An nên khi ông H khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng kết quả không thành. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Đức H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu của ông H, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Ông Nguyễn Đức H và ông Bùi Văn Bảo Q có quan hệ vay mượn tiền. Hai bên trình bày thống nhất là ông Q có vay của ông H số tiền 84.000.000 đồng, ông Q có ký giấy nhận nợ ngày 06/5/2023, hẹn 01 năm trả, thoả thuận miệng lãi suất 2%/tháng. Do ông Q chưa thanh toán nên ông H khởi kiện. Tại phiên toà, ông Q cho rằng đã trả góp tiền gốc vay cho ông H qua APP chuyển khoản 4 lần gồm ngày 11/6/2023 chuyển khoản 4.200.000 đồng; ngày 22/8/2023 chuyển khoản 7.000.000 đồng; ngày 01/11/2023 chuyển khoản 3.000.000 đồng; ngày 03/12/2023 chuyển khoản 3.000.000 đồng, trong mỗi lần chuyển khoản này ông Q xác định là có 500.000 đồng tiền lãi, trả bớt lãi từ từ tính sau, vì vậy ông chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 69.000.000 đồng và 9.500.000 đồng tiền lãi, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thấy rằng, lời trình bày này của ông Q không được ông H thừa nhận, ông H cho rằng do ông Q cần tiền mặt nên chuyển khoản cho ông để lấy tiền mặt, chưa hết hạn trả tiền nên ông không có đòi, điều nay phù hợp việc giấy nợ thể hiện thời hạn vay là 1 năm, các lần chuyển khoản là chưa hết hạn vay, và phù hợp lời khai của ông Nguyễn Văn H1, theo biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2024 của ông Nguyễn Văn H1 là chú ruột ở chung nhà của ông H có biết Q là bạn chơi chung với H thỉnh thoảng tới nhà chơi, khoảng cuối năm 2023 ông có thấy Q chuyển khoản cho H và H đưa lại tiền mặt cho Q, khoảng chừng 2 lần, ông không biết số tiền chuyển khoản là bao nhiêu và tiền gì. Đồng thời trong bản "sao kê chi tiết giao dịch" của ngân hàng mà ông Q cung cấp tại phiên toà cũng thể hiện là tất cả các lần chuyển khoản đều không ghi nội dung chuyển khoản, ông Q cũng xác định là khi ông chuyển khoản không ghi nội dung, không thể hiện được tiền chuyển khoản là để trả tiền vay 84.000.000 đồng cho ông H.

[4.2] Mặt khác, trong quá trình hoà giải ông Q cho rằng không nhớ số tiền đã chuyển trả là bao nhiêu, có chuyển vài lần, mỗi lần vài triệu nhưng chỉ đồng ý trả 20.000.000 đồng là chưa phù hợp số tiền, tại phiên toà ông lại trình bày đồng ý trả 69.000.000 đồng, mỗi lần chuyển khoản có 500.000 đồng tiền lãi, điều này cũng không phù hợp lãi suất 2% tháng mà các bên thoả thuận, về mức lãi suất và mối quan hệ giữa hai bên thì ông Q cũng trình bày liên tục thay đổi. Như vậy trong quá trình hoà giải và tại phiên toà, lời trình bày của ông Q nhiều lần có sự mâu thuẫn không nhất quán. Ông Q cũng xác định là không cung cấp chứng cứ tài liệu hay người làm chứng nào khác về việc có trả góp tiền vay cho ông H. Cho nên lời trình bày này không có cơ sở để xem xét. Về yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng của ông Q thì pháp luật chưa quy định, trường hợp các đương sự thoả thuận được thì công nhận nhưng ông H không đồng ý cho trả dần nên không có cơ sở ghi nhận. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 06/5/2023 và lời thừa nhận nợ của ông Q buộc ông Q trả cho ông H số tiền vay gốc 84.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.3] Về phần tiền lãi: do ông Q chậm trả nên ông H yêu cầu tính tiền lãi từ ngày vay 06/5/2023 đến ngày nộp đơn khởi kiện 06/7/2024 là 14 tháng theo mức lãi suất 20%/năm là 19.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi từ ngày 06/7/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, các bên vay tiền có thoả thuận trả lãi, ông H yêu cầu trả tiền lãi là có căn cứ. Tuy nhiên hai bên thoả thuận lãi suất là 2%/tháng,

là cao hơn quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ Luật dân sự nhưng ông H chỉ yêu cầu lãi suất 20%/năm là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Q trả cho ông H số tiền lãi cụ thể là:

Phần tiền lãi trong thời hạn vay 1 năm tính từ ngày 06/5/2023 đến ngày 06/5/2024 được tính theo mức lãi suất quy định là 20% năm x 12 tháng x 84.000.000 đồng = 16.732.800 đồng.

Phần tiền lãi từ ngày 06/5/2024 đến ngày 06/7/2024 là lãi suất nợ quá hạn do các bên không có thoả thuận lãi suất quá hạn nên ông Q phải trả khoản tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự theo mức lãi suất 10% năm x 2 tháng x 84.000.000 đồng = 1.394.400 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là 18.127.200 đồng. Không chấp nhận 01 phần tiền lãi ông H yêu cầu là 1.472.800 đồng.

[5] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An là có cơ sở.

[6] Về án phí: ông Bùi Văn Bảo Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ phải thanh toán. Ông H phải chịu án phí trên số tiền lãi không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Các Điều 227, 147, 227, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H.

Buộc ông Bùi Văn Bảo Q có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đức H số tiền vay gốc 84.000.000 đồng và tiền lãi 18.127.200 đồng, tổng cộng là 102.127.200 đồng.

Không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H đối với số tiền lãi là 1.472.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: ông Bùi Văn Bảo Q phải chịu 5.106.360 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ 2.590.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0009187 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T tỉnh Long An. H2 lại ông H 2.290.000 đồng.

Án xét xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn và bị đơn. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Án văn, Lưu;

Hồ Bảo Trâm